

Dòng tu trong Giáo hội Công giáo

ĐINH THỊ XUÂN TRANG^(*)

Dòng tu trong Giáo hội Công giáo, từ trước đến nay là một vấn đề chưa được giới nghiên cứu quan tâm nhiều, nhất là về dòng tu nữ.

Nghiên cứu Công giáo không thể không nghiên cứu về dòng tu. Bởi dòng tu có vai trò và vị trí rất lớn trong hoạt động truyền giáo, củng cố Đức tin Công giáo và một số hoạt động chính trị xã hội.

Người ngoài Công giáo khi nói đến dòng tu và bậc tu sĩ thường cho rằng cuộc đời tu sĩ gắn liền việc kinh nguyện, thờ Chúa. Nói như thế đúng nhưng chưa đủ. Không những chu toàn việc nguyện kinh, thờ Chúa mà với vai trò của mình, tu sĩ còn lãnh sứ mạng truyền giáo, thực thi theo lời Thiên Chúa: "Hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo"⁽¹⁾.

Trong khuôn khổ bài viết, với bước đầu nghiên cứu và tìm hiểu, chúng tôi xin được điểm lại một số quan điểm của Giáo hội Công giáo về vai trò của dòng tu trong Giáo hội như là sự khởi đầu cho việc nghiên cứu về vấn đề này.

Theo sự giải thích của Phan Tấn Thành trong *Dân Thiên Chúa* (giải thích quyển II Giáo luật) thì dòng tu là một danh từ dùng để chỉ cái tổ chức mà các tu sĩ gia nhập. Ở đó, người Kitô hữu sống chung với nhau theo một lề luật chung nhất định, họ xem nhau như thuộc về một gia đình lớn và cùng hướng đến một mục đích chung duy nhất là nhằm thực hiện ý nguyện của Đấng sáng lập.

Theo quan điểm của Giáo hội thì "dòng tu được thành lập bởi những người cùng chia sẻ một lí tưởng cho nhau (được phát biểu qua ý định của người sáng lập) trong việc phục vụ Thiên Chúa và đồng loại"⁽²⁾, các thành viên tuyên giữ các lời khấn trọn hay tạm thời, những lời khấn sẽ được lập lại khi hết hạn và buộc các thành viên sống chung đời huynh đệ.

Vào thời kì sơ khởi, ở Ai Cập, nếp sống tu trì của tu sĩ đa số tập trung ở sa mạc, rừng vắng, xa lánh cuộc sống phồn hoa nơi thành thị. Công việc chính của họ là đọc sách Thánh, hãm mình để cầu nguyện và thực hành nhân đức. Trải qua nhiều thế kỉ, cùng với sự thay đổi của xã hội, đời sống tu trì cũng đã có những chuyển biến. Từ cuộc sống đơn tu trong rừng vắng chuyển sang có kết hợp với những hoạt động mang tính xã hội rộng rãi. Trước nhu cầu cần củng cố Đức tin trong tín hữu, cũng như việc làm sao cho xã hội giảm bớt nỗi đau cùng với những thói hư tật xấu do con người gây ra, Giáo hội cho phép những người sáng lập lấy một nhiệm vụ của Kitô giáo làm mục đích hoạt động của dòng mình. Dần dần hình thành nên một hệ thống dòng tu "nhập thế" như ngày nay. Hình thức tu trì của nữ giới cũng xuất hiện đồng thời với các nhà tu "khổ hạnh". Nhưng do thân phận

*. ThS., Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

1. *Thư mục vụ của HĐGMVN gửi toàn thể Dân Chúa*, (trích Mc 16), tháng 10/2000.

2. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa*, tập 3, tr.372.

là nữ, họ không thích hợp với việc rời bỏ thành thị lên rừng, vào sa mạc nên phải ở lại thành thị. Trong khi nam tu sĩ có những hình thức mới chuyên về các hoạt động xã hội, đi rao giảng Tin Mừng thì luật chung thời đó lại không cho phép nữ tu rời khỏi tu viện để làm việc bác ái. Mãi đến đầu thế kỉ XX Giáo hội mới công nhận hoạt động tông đồ của nữ tu là chính đáng.

Dòng tu bao quát một lối sống có khuôn phép (nhất là đối với những dòng nữ), có tu phục riêng và có nội vi của tu viện. Cùng với đó là các hoạt động vượt ra khỏi nội vi tu viện, tu sĩ được phép tham gia các công việc xã hội: làm việc bác ái, nuôi dạy trẻ, giúp đỡ người nghèo... làm điều kiện khởi đầu cho việc truyền giáo. Đó là cách nhìn mới về dòng tu từ sau Công đồng Vatican II.

Theo quan niệm của Giáo hội: "Bậc dòng tu là những người sống chung để đạt tới sự hoàn thiện Đức tin sống trọn vẹn và cao độ Tin Mừng của Đức Kitô, là những cộng đoàn tu sĩ nguyện từ bỏ cuộc sống trần thế để cống hiến trọn đời cho việc đạo nhờ giữ được ba lời khấn: khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục"⁽³⁾.

Bộ Giáo luật, khoản 2, Điều 607 cho biết: "Hội dòng là cộng đồng mà các tu sĩ, chiếu theo luật riêng, tuyên khấn các lời khấn công khai, khấn vĩnh viễn hay khấn tạm, nhưng lập lại sau khi hết hạn và ở cộng đồng này các tu sĩ sống chung đời sống huynh đệ".

Xin nói thêm, Giáo hội Công giáo có đến ba hình thức tổ chức khác nhau về đời tu, bao gồm: dòng tu, tu hội đời và các hội tông đồ. Tại sao lại có nhiều loại hình thức tu như thế? Mỗi tổ chức với các hoạt động như thế nào? Ở đây, bài viết không đi sâu tìm hiểu sự giải thích đó mà chỉ xin được nêu ra những điểm cơ bản khác biệt để tiện việc so sánh.

* *Dòng tu (hay tu hội dòng)*: Một tổ chức sống đời tận hiến được giáo quyền hợp pháp phê chuẩn. Hội viên theo đuổi sự hoàn thiện của Tin Mừng, chiếu theo quy luật riêng của dòng bằng cách tuyên khấn công khai hoặc vĩnh viễn hay tạm thời. Khấn tạm thời là sẽ lập lại lời khấn sau một khoảng thời gian đã ấn định. Các hội viên cũng sống thành cộng đoàn⁽⁴⁾.

* *Tu hội đời*: Một tổ chức sống đời tận hiến dành cho giáo sĩ hay giáo dân; trong đó các hội viên khấn giữ các lời khuyên Tin Mừng ở giữa đời. Mục đích của tổ chức này là giúp hội viên có khả năng đạt đến sự hoàn thiện Kitô giáo và làm việc tông đồ hiệu quả. Tu hội đời khác với tu hội dòng và các hội tông đồ ở chỗ dù hội viên tu hội đời có khấn hay hứa, nhưng nói một cách chuyên môn, những lời khấn ấy không phải là những lời khấn dòng công khai. Ngoài ra tu hội đời không sống chung với nhau⁽⁵⁾.

* *Các hội tông đồ*: Sở dĩ gọi là: *Các hội thuộc đời tông đồ* mà không gọi là tu hội vì những người vào hội này không có lời khấn dòng.

Giáo luật điều 731 viết:

1. Tiếp theo các hội dòng (và các tu hội đã nói ở các điều 710 - 730) thuộc đời tận hiến, là hội thuộc đời tông đồ. Các thành phần của hội này không có các lời khấn dòng nhưng theo đuổi mục đích tông đồ riêng của Hội và sống chung huynh đệ, chiếu theo đặc tính riêng của đời sống để đạt sự trọn hảo của đức ái, nhờ việc tuân giữ hiến pháp.

2. Trong số các hội này có những hội mà thành phần nhờ một cam kết nào đó đã được ấn định bởi hiến pháp, họ cũng giữ các lời khuyên phúc âm.

3. *Bộ Giáo luật (1983)*. Nguyệt san Trái tim Đức Mẹ xuất bản.

4. *Từ điển Công giáo*. Rôma 1986, bản in ronéo, tr. 330.

5. *Từ điển Công giáo*. Sđd, tr. 330.

Do bài viết giải quyết vấn đề dòng tu nên với tu hội đời và các hội tông đồ xin không được đề cập.

Trở lại vấn đề. Giáo hội tin rằng, "đời sống tu trì được coi là một hồng ân Chúa Cha ban cho Giáo hội, Giáo hội phải trung thành gìn giữ và hướng dẫn. Do lời giảng và gương mẫu của Người, Chúa Kitô là nền tảng của các lời khuyên phúc âm"⁽⁶⁾ mà ở đó "các tu sĩ như những mối dây ràng buộc chắc chắn và bền vững phản ánh hình ảnh Đức Kitô nối kết với Giáo hội là hiện thể của Người bằng một mối dây bất khả li"⁽⁷⁾. Không những thế, "bậc sống tu trì biểu lộ cho thế giới khuôn mặt của Giáo hội, và qua khuôn mặt đó người ta phán đoán về sức mạnh và chân lý của sứ điệp Kitô giáo"⁽⁸⁾. Và ở bản thân mỗi tu sĩ "họ càng hiến thân trọn vẹn thì đời sống Giáo hội càng phong phú và việc tông đồ càng có kết quả hơn"⁽⁹⁾.

Vào thời đế quốc Rôma, đã có một số tín đồ cuồng nhiệt với hoạt động truyền giáo. Mặc dù bị chính quyền đương thời săn lùng, ngăn cấm nhưng họ vẫn nhiệt tâm với nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng. Họ sống lẫn trốn và hoạt động lén lút. Sau này được Giáo hội tôn vinh là các Thánh ẩn tu. Trong thời kỳ này các Thánh ẩn tu giữ vai trò quan trọng và chính yếu đối với công cuộc truyền giáo, củng cố Đức tin.

Ở Châu Âu, ngay từ thế kỷ IX - XI dòng tu đã giữ vai trò "điều chỉnh" và "củng cố" Giáo hội. Không những thế, dòng tu còn là lực lượng bảo vệ thành trì của Giáo hội, là đội quân chủ lực trong cuộc "mở rộng vùng giáo". Ngày nay người ta vẫn coi đời sống tu trì là một trong những dấu hiệu lớn cho biết Giáo hội Công giáo có mặt và đang hoạt động tại địa phương.

Trước đây, khi mà thần quyền còn đứng trên thế quyền, dòng tu được dùng

như một công cụ của giáo quyền trong việc thống trị xã hội. Nhưng từ sau Công đồng Vatican II, vị trí dòng tu được nhìn nhận lại đúng chức năng hơn các Công đồng trước đó. Hiến chế *Tín lý về Giáo hội* của Công đồng Vatican II khẳng định: "Đơn độc hay cộng đoàn, và dòng tu khác nhau mà sản nghiệp dồi dào đem lại lợi ích cho các chi thể của dòng cũng như toàn thân thể Chúa Kitô"⁽¹⁰⁾. Công đồng định chế về dòng tu không những là cầu nối giữa Giáo hội và giáo dân mà còn là một thành phần trong cơ cấu tổ chức Giáo hội. Vì thế, "mỗi người tuy sức và ơn gọi của mình, bằng kinh nghiệm hay bằng hành động tích cực, có bổn phận làm cho Nước Chúa Kitô ăn rễ sâu và vững mạnh trong các tâm hồn và bành trướng trên khắp vũ trụ"⁽¹¹⁾.

Và Công đồng Vatican II cũng là mốc khởi điểm cho sự canh tân dòng tu ở thế kỷ mới. Trong thư gửi các Bề trên của 450 dòng nữ họp tại Italia tháng 1 năm 1967, Giáo hoàng Phaolô VI đã đưa ra cái nhìn mới về đời sống tu trì: "Là cuộc đời đầy tình yêu Thiên Chúa, Giáo hội, nhân loại và mọi thụ tạo". Giáo hoàng còn khẳng định: "Đời sống tu trì, nhất là đối với phái nữ, ngoài sự dè dặt thâm lặng và khiêm tốn, người nữ tu xuất hiện trước mặt mọi người như một sự kiện khác thường về tự do, về can đảm, về quảng đại, về lương tri cá nhân cũng như về đời sống thiêng liêng và có thể nói hơn nữa: cả về sức mạnh và duyên sắc. Đây là đời sống tu trì ở thế kỷ XX này."⁽¹²⁾.

Công việc chính yếu của tu sĩ là việc kinh nguyện, sống cho Thiên Chúa và

6. *Thánh Công đồng chung Vatican II*, tr. 224.

7. *Sđđ*, tr. 1278.

8. *Sđđ*, tr. 1278.

9. *Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống dòng tu*.

10. *Công đồng Vatican II - Hiến chế, Sắc lệnh và Tuyên ngôn*. Tủ sách Đại kết, 1995, tr. 87.

11. *Công đồng Vatican II*. *Sđđ*, tr. 88, 89.

12. *Nữ tu độc văn thư Tòa Thánh*. Ra khơi xuất bản, tr. 311

làm sứ giả trong việc loan báo Tin Mừng. Một trong những hoạt động cơ bản được các dòng tu chú ý nhất là hoạt động tông đồ. Nhưng cũng tùy thuộc vào mục đích của từng dòng mà công việc tông đồ được triển khai một cách rộng rãi hay chỉ bó hẹp trong phạm vi của từng dòng. Vì "cách sống, cầu nguyện và hoạt động phải tùy theo tính chất của mỗi dòng mà thích ứng với hiện trạng thể lý và tâm lý của các tu sĩ, cũng như các nhu cầu tông đồ, những đòi hỏi văn hoá, những hoàn cảnh xã hội và kinh tế ở khắp mọi nơi, nhất là trong các xứ truyền giáo"⁽¹³⁾.

Như phần trên đã đề cập, muốn biết Giáo hội có mặt ở đâu, phát triển mạnh hay yếu ta có thể nhìn nhận ở sự có mặt của các dòng tu thông qua các hoạt động tông đồ. Giáo hoàng Gioan Phaolô II trong một bài diễn văn trước các tu sĩ Brazil ngày 3/7/1980 nhấn mạnh: "Lịch sử Giáo hội được liên kết và nhiều khi trở nên đồng nhất với hoạt động không mệt mỏi của các tu sĩ"⁽¹⁴⁾.

Cũng như bất cứ tôn giáo nào trên thế giới trong quá trình tồn tại đều muốn tôn giáo của mình được phát triển và ảnh hưởng sâu rộng đến với mọi người. Không nằm ngoài quy luật chung đó, dưới mọi hình thức hoạt động của mình Giáo hội Công giáo đều muốn Tin Mừng được loan báo khắp nơi. Với *Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống dòng tu*, một trong những yếu tố chung Công đồng Vatican II nhắc đến: "Tu sĩ của bất cứ hội dòng nào trong lúc chỉ đi tìm một mình Thiên Chúa trên hết mọi sự đều phải liên kết việc chiêm niệm với nhiệt tâm truyền giáo vì nhờ chiêm niệm họ kết hợp lòng trí với Thiên Chúa và nhờ nhiệt tâm truyền giáo họ tham gia công cuộc cứu thế và mở rộng Nước Chúa"⁽¹⁵⁾. Công đồng cũng khẳng định thêm: hoạt động tông đồ phải luôn luôn bắt nguồn từ việc kết hợp mật thiết với Chúa và củng cố việc kết hợp ấy.

Trong lịch sử, các dòng tu được thành lập vào những thời điểm khác nhau. Nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội đương thời ở từng giai đoạn, lần lượt các dòng tu ra đời. Mỗi dòng do một vị sáng lập khác nhau. Mỗi dòng chọn một đặc điểm hay một nhiệm vụ của Kitô giáo làm phương châm và mục đích hoạt động cho "sự tận hiến" của mình. Có dòng lập ra chỉ để chăm sóc người nghèo, dòng khác lại lấy việc giáo dục thanh thiếu niên làm mục tiêu chính, có dòng thì lại quan tâm đặc biệt đến việc giáo dục những phụ nữ lầm lỡ... gọi chung là các dòng hoạt động tông đồ. Có dòng không nhằm vào hoạt động nào trong xã hội mà chú trọng đời sống khổ chế, ít giao tiếp với người bên ngoài tu viện, ngày đêm chăm lo nguyện kinh gọi là dòng chiêm niệm hay dòng kín. Dòng khác lấy việc rao giảng Tin Mừng làm tôn chỉ, "loan báo danh Thánh Chúa Kitô khắp nơi", được mệnh danh là dòng truyền giáo.

Tại sao trong Giáo hội lại có nhiều dòng như thế? Do bởi "mỗi tu sĩ có những khả năng, xu hướng, tiềm lực khác nhau nên được "kêu mời" thể hiện đời tận hiến dưới những dạng và nếp sống khác nhau"⁽¹⁶⁾. Vẫn có trường hợp đang tận hiến ở dòng này nhưng trong "ơn gọi" của Chúa Thánh Thần lại thích hợp với dòng khác. Ngay chính sự khác biệt về tôn chỉ của từng dòng tu đã thể hiện được phần nào "ơn gọi" của mỗi tu sĩ không ai giống ai. Bởi theo quan niệm của Giáo hội thì đời tu Kitô giáo, nam cũng như nữ, là một cuộc hành trình theo Chúa Kitô. Không phải ai cũng đủ khả năng và thích hợp

13. *Hiến chế, sắc lệnh và tuyên ngôn*. Tủ sách Đại kết 1993, tr. 87.

14. *Nữ tu đọc văn thư Toà thánh*. Ra khơi xuất bản 1969, tr.346.

15. *Công đồng chung Vatican II*, Sđd, tr. 476.

16. *Nữ tu thành phố Hồ Chí Minh (1975-1989)*, UBĐKCGVN Tp Hồ Chí Minh, tr.24

với cuộc hành trình này. Không phải chỉ thấy thích và sống trong tu viện một thời gian là đã có thể trở thành tu sĩ. Từ ý muốn ban đầu đến lần khấn trọn sau cùng, tu sĩ ít nhất phải trải qua một thời gian được huấn luyện và trang bị từ tinh thần đến khả năng hoạt động tông đồ. Do vậy, "mọi tín hữu, dù là nam hay nữ, dù là giáo dân hay giáo sĩ đều có một lí tưởng nhắc tới: "các người hãy nên hoàn thiện như Cha các người Đấng ngự trên trời" và "hãy kính mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và thương anh em như chính mình"⁽¹⁷⁾. *Hiến chế Ánh sáng muôn dân* của Công đồng Vatican II khẳng định: "Thiên Chúa kêu gọi một số Kitô hữu ở hai bậc giáo sĩ và giáo dân đến hưởng lấy ân huệ đặc biệt này trong đời sống Giáo hội, tức là bậc sống tu trì, và mỗi người một cách, đều góp phần vào sứ mạng cứu độ của Giáo hội"⁽¹⁸⁾.

Tới đây, xin được kết thúc phần này bằng lời tự giới thiệu của Giáo hội về các tổ chức tu trì: "Các tổ chức tu trì là một trong những dấu hiệu lớn cho biết Giáo hội Công giáo có mặt và hoạt động tại một địa phương nào đó. Có mặt và hoạt động trước hết *như những tổ chức có mục đích tôn giáo*: thờ phượng Đấng tối cao không những bằng lời kinh và nghi lễ, mà còn bằng cả đời sống có phần khác so với đa số đồng bào giáo dân. Đó là các *tu sĩ*, sống theo những lời *khấn hứa* (thường được xác định cách chung là *độc thân khiết tịnh, khó nghèo, vâng phục, chuyên chăm cầu nguyện* và liên kết với nhau trong tình huynh đệ). Rồi có mặt và hoạt động *như những tổ chức có mục đích nhân đạo*: phục vụ đồng bào không những bằng việc hướng dẫn họ thờ phượng Thiên Chúa, mà còn bằng cả những việc nhân bản như giáo dục, chăm lo sức khoẻ, cứu tế..."⁽¹⁹⁾.

Ở Việt Nam

Theo tư liệu của *Khâm Định Việt Sử thông giám cương mục* thì năm 1533 niên hiệu Nguyên Hoà đời Lê Trang Tông, đã có một dương nhân tên I-Ni-Khu đi đường biển vào giảng đạo Giatô ở làng Ninh Cường, Quận Anh thuộc huyện Nam Chân và làng Trà Lũ huyện Giao Thủy, nhưng lại không nói rõ I-Ni-Khu thuộc dòng nào. Có tác giả nói rằng I-Ni-Khu là linh mục dòng Đa Minh Tây Ban Nha, người khác cho là dòng Phanxicô thuộc Bồ Đào Nha⁽²⁰⁾. Năm 1579 Giám mục Carerio chính thức trao quyền truyền giáo cho dòng Phanxicô ở Đàng Ngoài, nhưng lúc đầu không thu được kết quả như mong đợi.

Sau đó đến lượt giáo sĩ dòng Tên vào Việt Nam truyền giáo và mau chóng thu được kết quả. Thời gian này, cùng với dòng Đa Minh ở Đàng Ngoài, dòng Tên giữ vai trò chủ lực ở Đàng Trong. Chỉ một thời gian ngắn các giáo sĩ đã xây dựng được một giáo đoàn tương đối vững chắc trong điều kiện Chúa Trịnh cấm đạo ở Đàng Ngoài, Chúa Nguyễn cấm đạo ở Đàng Trong. Ngày 9/9/1659 Giáo hoàng La Mã kí sắc lệnh thiết lập chính thức Tông toà Đàng Ngoài và Đàng Trong tại Việt Nam. Sau khi thiết lập cơ cấu của Giáo hội, sự phân biệt khu vực truyền giáo tương đối rõ ràng: Dòng Đa Minh ở Đàng Ngoài theo yêu cầu của Giám mục Pallu, dòng Tên ở Đàng Trong với các trợ sĩ dòng.

Như vậy, ở Việt Nam khởi thủy việc truyền giáo thuộc về các dòng tu, thiết lập cơ cấu Giáo hội cũng là các dòng tu. Các dòng tu tồn tại song song với Giáo

17. Sđd, tr.32.

18. Sđd, tr.33 (trích số 43).

19. *Dự thảo Giáo hội Công giáo Việt Nam. Niên giám năm 2000*, Văn phòng thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam, tr. 44.

20. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Một giáo sư Sử học biên soạn*, tr. 55.

hội Việt Nam từ khi mới được thiết lập cho đến tận ngày nay khi Giáo hội đã trưởng thành. Ngoài những dòng tu nước ngoài truyền vào Việt Nam như dòng Tên, Đa Minh, Lasan, Chúa Cứu Thế, Chúa Quan Phòng... Còn có những dòng được thành lập tại Việt Nam như: dòng Mến Thánh Giá, dòng Con Đức Mẹ Mân Côi, Nữ Tử Bác ái Vinh Sơn, Đồng Công, Đức Bà Truyền Giáo...

Theo số liệu của Ban Tôn giáo của Chính phủ năm 1999, tín đồ Công giáo ở Việt Nam khoảng 5 triệu người. Việt Nam hiện đang tồn tại hơn 86 dòng tu, trong đó có 51 dòng tu nữ (35 dòng quốc tế) với số lượng tu sĩ là hơn 8.000. Còn số tu sĩ (cả nam và nữ) do Toà Tổng Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra là trên 10.000 tu sĩ(?)

Có thể tham khảo kết quả thăm dò của nhóm *Bạn trẻ Công giáo và Dân tộc* trong giới trẻ từ 18 đến 30 tuổi ở các tỉnh Đồng Nai, Đắc Lắc, Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề *đời tu có còn là sự lựa chọn?* Kết quả thăm dò cho thấy: 71% cho rằng dòng tu trong xã hội hiện nay là cao quý, 33% cho là lỗi thời, 65,2% ý kiến cho là đời sống tu sĩ làm cho xã hội thêm hài hoà, 34,1% cho là làm cho xã hội thăng tiến và 0,3% cho là làm cho xã hội trì trệ. Trong thế kỉ XXI này với 31,5% ý kiến cho rằng "Ôn gọi" tu trì sẽ tăng, 2,9% cho là sẽ giảm và 21,2% cho là bình thường⁽²¹⁾.

Qua đó, ta có thể thấy giới Công giáo vẫn muốn duy trì bậc dòng tu và vai trò của nữ tu trong xã hội vẫn được đề cao. Trong điều kiện số nữ tu ở các nước Châu Âu, Châu Mỹ giảm sút, ở các nước Châu Phi cũng rơi vào khủng hoảng trầm trọng, Giáo hội lại có chủ trương mở rộng và tăng cường phát triển nữ tu ở các nước Châu Á.

Dòng tu là một cơ cấu trong hệ thống tổ chức của Giáo hội Công giáo, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng cơ sở và hình thành vùng giáo, thực hiện việc "mở rộng đất Chúa". Với vai trò tuyên truyền và phát huy ảnh hưởng Tin Mừng, tu sĩ dòng được đào tạo rất công phu, trải qua nhiều giai đoạn huấn luyện, thử thách, rèn luyện bản thân và tập sống với "Ôn gọi" để đến đích sau cùng là ở "sự tận hiến cho Thiên Chúa và Giáo hội", thực hiện theo ba lời khuyên phúc âm: khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục. Vì vậy, sự tồn tại của các dòng tu hiện nay là một thực tế khách quan, còn sự phát triển nhanh hay chậm của chúng phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan trong hoàn cảnh xã hội cụ thể mà chúng đang tồn tại./.

21. Theo số liệu của Thiện Cẩm (2000) đăng trên Báo *Công giáo và Dân tộc*, số 1282, tr. 16 - 17.